

## ỨNG DỤNG LÝ THUYẾT ẪN DỰ Ý NIỆM TRONG NGÔN NGỮ HỌC TRI NHẬN VÀO VIỆC GIẢNG DẠY THÀNH NGỮ TIẾNG ANH

Nguyễn Ngọc Vũ\*

Khi xem bất kì giáo trình giảng dạy tiếng Anh nào dành cho học viên ở trình độ trung cấp trở lên, chúng ta đều dễ dàng nhận thấy rằng các tổ hợp thành ngữ chiếm một số lượng khá lớn trong phần ngữ vựng mà học viên cần phải học. Điều này cũng dễ hiểu vì để có thể giao tiếp tự nhiên và thông thạo trong các tình huống thông dụng, học viên cần có khả năng sử dụng tốt thành ngữ tiếng Anh. Thành ngữ là một bộ phận quan trọng trong tiếng Anh và học viên cần phải hiểu được trong những tình huống nào thì thành ngữ mình học có thể sử dụng được. Điều này đối với nhiều học viên không phải là việc dễ dàng vì họ thường có thói quen học thuộc lòng nghĩa tương đương trong tiếng Việt rồi ghép nghĩa tiếng Việt vào tình huống giao tiếp. Khá nhiều học viên Việt Nam mà chúng tôi giảng dạy có khả năng sử dụng tiếng Anh rất tốt nhưng lại gặp khó khăn khi sử dụng thành ngữ. Kết quả là những học viên này có xu hướng tránh sử dụng thành ngữ khi nói. Điều này khiến cho vấn đề mà họ diễn đạt đôi lúc trở nên vụng về, thiếu tự nhiên. Nhận xét về vấn đề này, Moon (1997:60) phát biểu như sau:

“... người học ngoại ngữ thường tránh sử dụng các tổ hợp thành ngữ thậm chí cả trong những tình huống mà hai ngôn ngữ rất gần gũi và có cách diễn đạt hoàn toàn giống nhau... Lí do của vấn đề này là người học ngoại ngữ thường nghi ngại về những đơn vị tổ hợp được cho là tương đương giữa các ngôn ngữ. Họ đã được dạy là phải thận trọng và biết rất rõ rằng có thể có những sự khác biệt rất nhỏ về nghĩa hay cách sử dụng mà có thể dẫn đến trường hợp hiểu sai hay hiểu lầm.”

Một nguyên nhân khác là giáo viên cũng thường né tránh việc giảng dạy thành ngữ mặc dù thành ngữ có vai trò quan trọng trong việc phát triển ngôn ngữ cho người học. Một số giáo viên dạy ngoại ngữ cho rằng thành ngữ là những tổ hợp từ vựng quá khó đối với trình độ của học viên. Bằng chứng cho việc này là trong rất nhiều sách giáo trình giảng dạy ngoại ngữ, các tác giả biên soạn chỉ đưa

---

\* TS. – Trường ĐHSP Tp. HCM

ra một danh sách các thành ngữ theo chủ đề bài học hay theo từ khóa rồi sau đó là bài tập điền vào chỗ trống cho học viên luyện tập. Cách trình bày nội dung và thiết kế hoạt động học tập như vậy chỉ đơn giản bắt học viên học thuộc lòng nghĩa của thành ngữ trong tình huống của ví dụ trong bài tập. Học viên sẽ không thể hiểu được nguồn gốc của thành ngữ để ghi nhớ tốt hơn hoặc không sử dụng được thành ngữ khi gặp tình huống giao tiếp khác với tình huống trong bài tập. Đôi lúc các sách giáo trình cũng cung cấp cho học viên những tổ hợp từ đồng nghĩa nhưng những tổ hợp từ đồng nghĩa này không hoàn toàn chính xác và cũng có thể gây hiểu lầm cho học viên. Chẳng hạn trong unit 10 (Phrasal verbs) của sách Grammar Practice dành cho sinh viên năm I của khoa Anh có giới thiệu tổ hợp “Fill in” bằng ví dụ kèm giải thích như sau:

- Can you fill in this form please? (complete)
- Our teacher was ill, so Mrs. Frost filled in. (take someone’s place)

Sau đó sách giáo trình lại giới thiệu tổ hợp “Take over” như sau:

- A German company took us over last year (buy a company).
- If you are tired, I’ll take over. (take someone’s place)

Cách giới thiệu như thế này khiến học viên dễ lầm tưởng rằng tổ hợp “fill in” và “take over” hoàn toàn có thể thay thế cho nhau nhưng thực tế là chúng có ngữ cảnh sử dụng khác nhau. Trong bối cảnh dạy tiếng Anh, việc học viên được tiếp xúc với người bản xứ để họ giải thích nguồn gốc thành ngữ là rất khó nên học viên chỉ còn cách học thuộc lòng nghĩa tương đương trong tiếng Việt và sử dụng trong những tình huống tương tự như tình huống mà sách giáo trình giới thiệu. Học thành ngữ theo cách này rõ ràng là người học sẽ quên nhanh chóng và cũng không thể sử dụng một cách hiệu quả.

Các nhà ngôn ngữ học tri nhận như Langacker (1997), Langlotz (2006), Lakoff và Johnson (1980) đã chứng minh rằng nghĩa của rất nhiều thành ngữ, đặc biệt là các thành ngữ có chứa yếu tố chỉ bộ phận cơ thể người là có tính nguyên do (motivated) chứ không hoàn toàn võ đoán (arbitrary). Như vậy để dạy thành ngữ cho hiệu quả, giáo viên không nên chỉ yêu cầu học viên học thuộc lòng mà cần khuyến khích họ trước hết phỏng đoán về nguồn gốc của thành ngữ rồi sau đó giúp học viên tìm ra nghĩa ẩn dụ dựa trên nguồn gốc của thành ngữ. Chẳng

hạn như khi dạy thành ngữ “To be on the ropes”, trước hết giáo viên có thể đặt câu hỏi như sau:

“Where do you think the expression “to be on the ropes” comes from? Sports, food or sailing?” (Các em nghĩ thành ngữ “nằm trên dây thừng” có nguồn gốc từ đâu? Thể thao, thức ăn hay du thuyền?).

Học viên phần lớn sẽ chọn “sports” hay “sailing” vì dây thừng chỉ được sử dụng ở hai lĩnh vực này. Giáo viên sau đó có thể giải thích về nguồn gốc văn hóa, lịch sử của thành ngữ để giúp học viên liên hệ thành ngữ với một tình huống cụ thể. Chẳng hạn trong trường hợp này học viên liên hệ với hình ảnh võ sĩ quyền anh trên sàn đấu đang bị dồn vào góc sàn và phải nhờ dây thừng của võ đài làm điểm tựa. Từ đây, học viên sẽ suy ra được nghĩa của “to be on the ropes” là bị dồn vào chân tường, ở trong tình thế tuyệt vọng. Những hoạt động theo kiểu “giải quyết vấn đề” như thế này sẽ buộc học viên phải tư duy và sẽ ghi nhớ cũng như sử dụng thành ngữ tốt hơn.

Ngoài ra, việc khai thác ẩn dụ ý niệm cũng sẽ giúp cho học viên suy nghĩa thành ngữ với xác suất đúng rất cao. Theo kinh nghiệm của chúng tôi, nếu chỉ đơn thuần yêu cầu học viên suy luận nghĩa của thành ngữ thì kết quả không cao. Trong một buổi dạy thành ngữ tiếng Anh có liên quan đến yếu tố “tai”, chúng tôi thấy rằng học viên không có khả năng tự động tìm ra các ẩn dụ ý niệm để phục vụ việc giải mã nghĩa hàm ẩn của thành ngữ. Để học viên có thể suy nghĩa được thì giáo viên cần trực tiếp hướng dẫn những ẩn dụ ý niệm hay hoán dụ ý niệm có vai trò tham gia tạo nghĩa của thành ngữ. Trong các thành ngữ dưới đây, nếu giáo viên chỉ đơn thuần cho ví dụ và yêu cầu học viên suy nghĩa thì học viên sẽ gặp nhiều khó khăn:

- Don't talk so loudly unless you want everyone to know. Bill has big ears you know. (Nếu anh nói to thế mọi người sẽ biết hết. Thằng Bill tai nó thính lắm đó).
- Hey, cloth ears, I asked if you wanted a drink. (Ê, tai điếc. Tao hỏi là mày có muốn uống nước không).
- Warnings that sunbathing can lead to skin cancer have largely fallen on deaf ears in Britain. (Những lời cảnh báo rằng tắm nắng có thể gây ung thư da chẳng được ai chú ý đến ở nước Anh).

- Do you want to hear what happened at the party last night?' 'Oh yes, I'm all ears'. (Anh có muốn nghe những gì xảy ra ở bữa tiệc tối qua không? Ồ có chứ. Tôi đang nghe cả hai tai đây).
- In the past they've tended to turn a deaf ear to such requests. (Trước đây, người ta có xu hướng bỏ ngoài tai những lời đề nghị như thế).
- He's a powerful industrialist who has the President's ear. (Ông ta là một nhà tài phiệt có thể lực, đến tổng thống còn nghe ông ta).
- I'll keep an ear to the ground and tell you if I hear of any vacancies. (Tôi sẽ theo dõi sát sao và báo cho anh khi có chỗ trống tuyển dụng).
- I had half an ear on the radio as he was talking to me. (Tôi nửa nghe radio, nửa nghe anh ta nói).

Tuy nhiên, nếu giáo viên giảng cho học viên về hoán dụ ý niệm “đôi tai biểu trưng cho sự chú ý” thì khả năng học viên suy nghĩa được sẽ tăng lên nhiều. Đây cũng chính là kết quả nghiên cứu về việc áp dụng ẩn dụ ý niệm và hoán dụ ý niệm trong việc giảng dạy thành ngữ và tục ngữ của tác giả Thomas Li (2002, dẫn theo Robinson & Ellis 2008). Trong nghiên cứu của mình Li đã tiến hành trên 394 sinh viên ngoại ngữ ở Trung Quốc. Nhóm thử nghiệm được giáo viên hướng dẫn thảo luận về ẩn dụ ý niệm, hoán dụ ý niệm và cách sử dụng chúng trong việc giải mã nghĩa của thành ngữ. Kết quả kiểm tra sau đó cho thấy nhóm thử nghiệm đạt kết quả cao hơn hẳn nhóm sinh viên không được hướng dẫn về ẩn dụ ý niệm và hoán dụ ý niệm.

Trong tiếng Anh, các ngữ động từ hai hay ba từ (phrasal verbs) có số lượng khá lớn và được sử dụng phổ biến trong ngôn ngữ giao tiếp và đàm thoại. Giáo viên nào đã từng luyện thi Toefl đều dễ dàng nhận thấy rằng trong phần thi nghe, các ngữ động từ trên xuất hiện với tần xuất cao. Các sách văn phạm cũng như sách giáo trình tiếng Anh hiện nay không giúp học viên được gì hơn là khuyến khích người học học thuộc lòng. Bộ sách Streamline English (quyển IV) là bằng chứng về việc dạy các tổ hợp này một cách máy móc. Gần như bài nào trong quyển này cũng đưa ra một danh sách các ngữ động từ rồi cho học viên làm bài tập điền vào chỗ trống. Các ngữ động từ được trình bày hoặc theo động từ (take, give, look ...) hoặc theo giới từ kết hợp (up, down, on ...). Những động từ này được lặp đi lặp lại trong nhiều bài để giúp học viên ghi nhớ. Tuy nhiên qua thực

tế giảng dạy của chúng tôi, học viên thường quên các ngữ động từ này sau một vài tuần. Ở Khoa Anh Trường Đại học Sư phạm Tp. HCM có nhiều sinh viên là học sinh giỏi tiếng Anh ở phổ thông. Do đề thi học sinh giỏi ở phổ thông luôn luôn có phần về ngữ động từ nên các học sinh này học và ghi nhớ rất nhiều ngữ động từ. Tuy nhiên, các em đều phàn nàn rằng chỉ sau một vài năm là quên phần lớn những tổ hợp mà trước kia mình phải bỏ rất nhiều thời gian để ghi nhớ. Gốc rễ của vấn đề vẫn là việc sách giáo trình và một số giáo viên coi việc ghi nhớ là cách học ngữ động từ. Tuy nhiên, theo phân tích tri nhận đã trình bày ở chương III và chương IV chúng ta thấy rằng khá nhiều ngữ động từ có nguồn gốc ẩn dụ ý niệm. Ví dụ, các ngữ động từ dưới đây đều có liên quan đến ẩn dụ ý niệm “more is up – less is down”:

- They put up the price on that model by five dollars. (Họ tăng giá mẫu hàng đó thêm 5 đôla).
- They brought their children up in the countryside. (Họ nuôi lớn bọn trẻ ở quê).
- Production went up at the plant by 15 percent. (Sản xuất của nhà máy tăng 15%).
- The car sped up and passed the slow driver. (Chiếc xe tăng tốc và vượt qua tên tài xế chậm chạp).
- It's really heated up these past few days. (Mấy ngày nay trời nóng hẳn lên).
- Can you turn the sound up? (Anh có thể tăng âm lượng lên không?).
- The local economy has really picked up since the new factory was built. (Kinh tế địa phương thực sự cất cánh từ khi nhà máy mới được xây dựng).
- The quarterly profits went down from the second to the third quarter. (Lợi nhuận hàng quý giảm từ quý hai sang quý ba).
- Turn down that horrible music! (Tắt cái thứ nhạc kinh khủng đó đi!).
- Please keep the noise down in this room! (Làm ơn bớt ồn ào một chút trong phòng).
- It's really cooled down these past few days. (Mấy ngày vừa rồi trời mát thật).
- Computer prices have really come down recently. (Giá máy tính gần đây đã xuống nhiều).

Rõ ràng là ở các ví dụ trên, tiểu từ “up” và “down” trong tổ hợp luôn có nghĩa là tăng hay giảm về kích cỡ, số lượng hay sức mạnh. Như vậy, giáo viên chỉ cần giải thích cho học viên hiểu ẩn dụ ý niệm “more is up – less is down” và cung cấp một số ví dụ chứng minh thì học viên sẽ không cần phải nhớ thuộc lòng nghĩa của các tổ hợp này nữa. Ngoài ra khi gặp các ngữ động từ khác cũng có tiểu từ “up” hay “down” thì khả năng suy nghĩ của học viên cũng tăng lên nhiều. Tương tự như vậy, ẩn dụ ý niệm liên quan đến thời gian dựa trên cơ sở con người tri nhận thời gian như một đường thẳng chạy từ quá khứ đến tương lai, phần quá khứ ở phía sau còn phần tương lai ở trước chúng ta. Vì thế, những tổ hợp từ có tiểu từ “ahead” và “forward” diễn đạt ý tưởng về tương lai còn các tổ hợp với tiểu từ “back” và “behind” diễn đạt ý tưởng về quá khứ. Khi được giải thích ẩn dụ ý niệm “future is ahead – past is behind” như vậy, học viên có thể suy nghĩa các tổ hợp như:

- What lies ahead? (Sắp tới còn gì nữa?).
- Let's think ahead to next season. (Chúng ta hãy nghĩ đến mùa tiếp theo).
- I'm looking forward to seeing them again. (Tôi mong gặp lại họ).
- I've put my watch forward one hour. (Tôi đặt đồng hồ chạy sớm một giờ).
- The house dates back to the 16th century. (Căn nhà có từ thế kỉ 16).
- Never look back, never have regrets. (Đừng bao giờ nhìn lại, đừng bao giờ hối tiếc).
- She was trying to leave behind a difficult adolescence. (Cô ấy đang cố gắng bỏ lại thời niên thiếu khó khăn).

Với ẩn dụ ý niệm “power is over/up – weakness is under/down”, giáo viên có thể giúp học viên suy nghĩa được các tổ hợp như:

- He was lording it over me. (Nó đang đè đầu cưỡi cổ tôi).
- The Emperor ruled over a vast area. (Vị hoàng đế thống trị một vùng rộng lớn).
- They have come up in the world. (Họ đã nổi lên).
- She's been moved up to a more responsible job. (Cô ta được chuyển sang một công việc đòi hỏi trách nhiệm cao hơn).

- The police clamped down on drinking in the streets. (Cảnh sát khống chế nạn uống rượu trên đường).
- The rebellion was swiftly put down. (Cuộc nổi loạn bị dập tắt nhanh chóng).
- Prisoners are kept under constant surveillance. (Tù nhân bị kiểm soát gắt gao).
- We had to knuckle under and do what we were told. (Chúng tôi phải phục tùng và làm những gì người ta sai bảo).

Khi một người nào đó có quyền kiểm soát người khác, chúng ta tri nhận họ ở một vị trí cao hơn. Vì thế động từ tổ hợp với tiền từ “over” và “up” diễn tả ý tưởng ai đó nắm được quyền kiểm soát hoặc mạnh hơn người khác. Còn các động từ tổ hợp với tiền từ “down” hay “under” diễn đạt ý tưởng ai đó ở vào thế yếu và bị chế ngự.

Ngoài việc khuyến khích học viên suy nghĩa của thành ngữ và hướng dẫn học viên áp dụng ẩn dụ ý niệm, hoán dụ ý niệm, giáo viên cũng cần cung cấp tri thức văn hóa. Điều này đặc biệt hữu ích đối với những lớp thành ngữ có tính đặc thù văn hóa cao. Trong một số trường hợp do sự khác biệt ngay trong miền ý niệm nguồn xuất phát từ những khác biệt về văn hóa, học viên sẽ gặp khó khăn hơn nhiều so với những thành ngữ mà miền ý niệm nguồn giống nhau giữa hai nền văn hóa. Chính vì vậy, việc giáo viên dạy ngoại ngữ cung cấp thêm tri thức văn hóa về những lĩnh vực mà học viên của mình không biết sẽ giúp học viên đáng kể. Chẳng hạn, đa số học viên Việt Nam sẽ không hiểu tại sao người Anh lại nói “as pleasant as a summer breeze” (dễ chịu như cơn gió hè) bởi vì trong nhận thức của người Việt Nam, mùa hè là mùa rất nóng bức và khó chịu. Nhắc đến mùa hè là người Việt Nam nghĩ ngay đến cái nắng gắt, sự oi bức, khó chịu như Trần Đăng Khoa miêu tả:

“Những trưa tháng sáu  
Nước như ai nấu  
Chết cả cá cò  
Cua ngoi lên bờ  
Mẹ em xuống cấy”.

Tuy nhiên, nước Anh lại là một nước ôn đới, có khí hậu lạnh quanh năm. Đối với người Anh, mùa hè là mùa ấm áp, đẹp đẽ nhất trong năm. Tuy là mùa hè

nhưng nhiệt độ cũng chỉ hơn 20°C mà thôi nên không khí rất dễ chịu. Trong khoảng thời gian này, người Anh thường nằm trên bãi cỏ phơi nắng hoặc đi picnic. Khi hiểu được sự khác biệt về văn hóa này, học viên sẽ thấy ngay là cách nói “as pleasant as a summer breeze” là hợp lí.

Tóm lại, nếu được giảng giải về các cấu trúc ý niệm nằm sau các cấu trúc thành ngữ thì người học sẽ có khả năng suy nghĩa và nhớ những thành ngữ này lâu hơn. Điều này khác với quan điểm của nhiều tác giả sách giáo trình và một số giáo viên cho rằng nghĩa của thành ngữ không thể tìm ra được và nghĩa của thành ngữ chỉ có thể học gắn liền với ngữ cảnh mà nó xuất hiện. Tuy nhiên, chỉ một mình ngữ cảnh thì không thể đạt hiệu quả cao và quan trọng hơn là khó giúp học viên nhớ được thành ngữ trong thời gian dài. Qua phân phân tích, chúng ta thấy rằng các phương pháp giảng dạy dựa trên cơ sở khai thác ẩn dụ ý niệm không chỉ giúp học viên học thành ngữ tốt hơn mà còn giúp cho hoạt động học tập trở nên hứng thú và bớt nhàm chán. Bản chất thành ngữ là những cách diễn đạt được tạo ra từ quá trình ý niệm hóa thế giới khách quan vô cùng phong phú của con người. Chính vì vậy, một khi giáo viên và học viên tập trung khai thác những cấu trúc tri nhận tạo ra những thành ngữ ấy cũng chính là quá trình khám phá một thế giới rất nhiều điều lí thú.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Lakoff, G., & Johnson, M. (1980). *Metaphor we live by*. Chicago: University of Chicago Press.
- [2]. Langacker, R. (1997). The contextual basis of cognitive semantics. In J. Nuyts & E. Pedersen (eds), *Language and conceptualization* (pp. 229-252). Cambridge: Cambridge University Press.
- [3]. Langlotz, A. (2006). *Idiomatic Creativity: A cognitive-linguistic model of idiom-representation and idiom-variation in English*. Philadelphia: John Benjamins Publishing Company.
- [4]. Moon, R. (1997). Vocabulary Connections: Multi-Word Items in English. In N. Schmitt & M. J. McCarthy (eds), *Vocabulary: Description, Acquisition and Pedagogy*. Cambridge: Cambridge University Press.

- [5]. Reddy, M. J. (1979). The Conduit Metaphor - A Case of Frame Conflict in Our Language about Language. In A. Ortony, *Metaphor and Thought* (pp. 284-234). Cambridge: Cambridge University Press.
- [6]. Robinson, P., & Ellis, N. C. (2008). *Handbook of cognitive linguistics and second language acquisition*. New York: Routledge.

### **Tóm tắt**

#### **Ứng dụng lý thuyết ẩn dụ ý niệm trong ngôn ngữ học tri nhận vào việc giảng dạy thành ngữ tiếng Anh**

Dạy và học thành ngữ tiếng nước ngoài luôn là sự thử thách đối với cả giáo viên và học viên. Từ quan điểm tri nhận, bài báo này bàn đến một cách dạy thành ngữ tiếng nước ngoài thông qua ẩn dụ ý niệm. Qua việc phân tích ẩn dụ ý niệm ở các thành ngữ ví dụ, bài báo chứng minh rằng nghĩa của thành ngữ là có nguyên do chứ không võ đoán và từ đó rút ra một số kết luận cho việc giảng dạy ngoại ngữ.

### **Abstract**

#### **Applying conceptual metaphor theory of cognitive linguistics to teaching English idioms**

Teaching and learning foreign idioms have always been a challenge for both teachers and students. From the cognitive viewpoint, this article discusses an approach to teaching foreign idioms through conceptual metaphor. Through the conceptual metaphor analysis of idioms used as examples, the result shows that learning idioms is motivated rather than arbitrary and thereby, the author draws some conclusions for language teaching.